**MA TRẬN + BẢN ĐẶC TẢ + ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I KHTN 2- LỚP 8**

***a) Ma trận***

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối HỌC KÌ 1, khi kết thúc nội dung: nồng độ dung dịch*

**- Thời gian làm bài:**….. phút.

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (30% trắc nghiệm, 70% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*50% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 10% Vận dụng; 20% ).*

- Phần trắc nghiệm: 1.0 điểm, gồm 4 câu hỏi ( nhận biết : 0,75 điểm, thông hiểu : 0,25)

- Phần tự luận: 1,5 điểm(Nhận biết: 0,5 điểm, *Thông hiểu: 0,5 điểm; Vận dụng: 0,5)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số**  | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** |
| *Biến đổi vật lí và biến đổi hóa học* |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| *Phản ứng hóa Mở học và năng lượng hóa học* |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| *Định luật bảo toàn khối lượng. PTHH* |  |  | 1 | **1** |  |  |  |  | 1 | 1 | 0,75 |
| *Mol và tỉ khối chất khí* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Tính theo phương trình hóa học* |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 0,5 |
| *Nồng độ dung dịch* | 1 | **1** |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 0,75 |
| **Số ý** | 1 | **3** | 1 | **1** | 1 |  |  |  | 3 | 4 | 2,5 |
| **Điểm số** | 0,5 | **0,75** | 0,5 | **0,25** | 0,5 |  |  |  | 1,5 | 1,0 | 2,5 |
| **Tổng số điểm** | **1,25** | **0,75** | **0,5** |  | 2,5 | 2,5 |

**b, Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL( ý số) | TN(câu số) |
| **Phản ứng hoá học** |
| Biến đổi vật lí và biến đổi hoá học | **Nhận biết**  | Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. |  | 1 |  | C1 |
| **Thông hiểu** | Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học. |  |  |  |  |
| Phản ứng hoá học | **Nhận biết**  | – Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm.– Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm |  | 1 |  | C2 |
| **Thông hiểu** | – Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học.– Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. |  |  |  |  |
| Năng lượng trong các phản ứng hoá học | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt.– Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được ví dụ minh hoạ về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt. |  |  |  |  |
| Định luật bảo toàn khối lượng | **Nhận biết:**  | Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn. | 1 |  | C2 |  |
| Phương trình hoá học | **Nhận biết:** | – Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.– Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể. |  |  |  |  |
| Mol và tỉ khối của chất khí | **Nhận biết:** | – Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). – Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí.– Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 0C |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m)– So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối.– Sử dụng được công thức  để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 0C. |  | 1 |  | C3 |
| Tính theo phương trình hoá học | **Nhận biết** | Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 0C.- Tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế. | 1 |  | C3 |  |
| Nồng độ dung dịch | **Nhận biết** | – Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.– êu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol. | 1 | 1 | C1 | C4 |
| **Thông hiểu** | Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước. |  |  |  |  |

***c, Câu hỏi đề kiểm tra***

**A. TRẮC NGHIỆM (1,0 điểm)**

Câu 1.

Câu 2.

…

**B. TỰ LUẬN (1,5 điểm)**

Câu

…

**ĐÁP ÁN + THANG ĐIỂM**

1. **TRẮC NGHIỆM – 1,0 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |

**(Mỗi câu đúng 0,25 điểm)**

1. **TỰ LUẬN- 1,5 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  |  |  |
|  |  |  |